FedEx 10kg Box & 25kg Box

Các lô hàng dùng FedEx 10kg Box & 25kg Box

Vui lòng tham khảo Chỉ mục khu vực để biết phân loại khu vực chi tiết								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Quốc gia/Vùng lãnh thổ chính	Trung Quốc (khu vực phía Nam), Hồng Kông, Singapore	Trung Quốc (Không bao gồm khu vực Nam Trung Quốc), Nhật Bản, Đài Loan	Úc, Ấn Độ, New Zealand	Hoa Kỳ, Canada, Mexico	Đức, Pháp, Vương quốc Anh	Nga	Brazil, Chile	Nam Phi, Ả Rập Xê-út, Nigeria

Xuất khẩu

Việt Nam Giá cước xuất khẩu khuyến mãi

Dành cho các lô hàng International Priority Express
(Giá cước chưa bao gồm các khoản phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu được áp dụng).[1]

Ngày có hiệu lực: 4 tháng 1 năm 2027

FedEx 10kg Box (41,5 x 34 x 27 cm)								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Giá cước cố định (VND)	3.530.500	4.956.500	4.956.200	7.286.000	7.091.900	9.712.900	10.319.100	10.025.500
Giá cước bổ sung mỗi kg trên 10 kg và tối đa 20 kg	190.600	317.700	349.500	454.900	442.700	517.800	524.900	509.900
Lô hàng trên 20 kg: Áp dụng giá cước của 25kg Box.								
FedEx 25kg Box (56 x 44 x 35 cm)								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Giá cước cố định (VND)	5.437.200	8.134.200	8.452.000	11.835.100	11.519.800	14.891.800	15.568.600	15.125.100
Giá cước bổ sung mỗi kg trên 25 kg và tối đa 44 kg	190.600	317.700	349.500	454.900	442.700	517.800	524.900	509.900

Chú thích:
[1] Thuế được áp dụng chưa bao gồm trong tất cả các giá cước.

Ghi chú:
- Giá cước trên không được chiết khấu thêm. Phụ phí nhiên liệu và các phí đặc biệt khác sẽ được áp dụng. Để biết thông tin về các phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu, vui lòng tham khảo chi tiết tại trang Phụ phí và thông tin khác.
- Vui lòng sử dụng một vận đơn hàng không cho mỗi lô hàng dùng FedEx 10kg Box hoặc 25kg Box.
- Trọng lượng thực tế tối đa được khuyến nghị là 25 kg với FedEx 10kg Box và 44 kg với FedEx 25kg Box. Cước phí cao hơn sẽ được tính cho bất kỳ lô hàng dùng FedEx 10kg Box hoặc 25kg Box nào có trọng lượng thực tế trên 44 kg. Vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng để biết thêm thông tin.
- Không được gửi hàng hóa nguy hiểm bằng FedEx 10kg hoặc 25kg Box.
- Giá cước đã công bố chỉ nhằm mục đích tham khảo và có thể khác với giá cước cuối cùng được tính trong hóa đơn thanh toán của bạn sau khi làm tròn, đồng thời giá cước trong hóa đơn thanh toán sẽ được áp dụng và là khoản phải trả.
- IPE chỉ có ở các vùng có mã zip đã chọn. Vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng của chúng tôi để biết chi tiết về nơi nhận hàng.
- Các mức giá trên được tính theo bước tăng 1 kg. Bất kỳ phần lẻ nào của một kilôgam vượt quá 0,01 kg sẽ được làm tròn lên mức trọng lượng tính cước kế tiếp.

➡ Vui lòng tham khảo Chỉ mục khu vực

FedEx 10kg Box & 25kg Box

Các lô hàng dùng FedEx 10kg Box & 25kg Box

Vui lòng tham khảo Chỉ mục khu vực để biết phân loại khu vực chi tiết								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Quốc gia/Vùng lãnh thổ chính	Trung Quốc (khu vực phía Nam), Hồng Kông, Singapore	Trung Quốc (Không bao gồm khu vực Nam Trung Quốc), Nhật Bản, Đài Loan	Úc, Ấn Độ, New Zealand	Hoa Kỳ, Canada, Mexico	Đức, Pháp, Vương quốc Anh	Nga	Brazil, Chile	Nam Phi, Ả Rập Xê-út, Nigeria

Xuất khẩu

Việt Nam Giá cước xuất khẩu khuyến mãi

Dành cho các lô hàng International Priority
(Giá cước chưa bao gồm các khoản phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu được áp dụng).[1]

Ngày có hiệu lực: 4 tháng 1 năm 2027

FedEx 10kg Box (41,5 x 34 x 27 cm)								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Giá cước cố định (VND)	3.363.600	4.722.000	4.722.000	6.954.400	6.756.600	9.253.200	9.831.100	9.551.300
Giá cước bổ sung mỗi kg trên 10 kg và tối đa 20 kg	181.600	302.700	333.000	434.200	421.800	493.400	500.100	485.800
Lô hàng trên 20 kg: Áp dụng giá cước của 25kg Box.								
FedEx 25kg Box (56 x 44 x 35 cm)								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Giá cước cố định (VND)	5.180.200	7.749.300	8.052.400	11.296.700	10.975.100	14.187.700	14.832.200	14.409.900
Giá cước bổ sung mỗi kg trên 25 kg và tối đa 44 kg	181.600	302.700	333.000	434.200	421.800	493.400	500.100	485.800

ImportOne

Việt Nam Giá cước ImportOne

Dành cho các lô hàng International Priority
(Giá cước chưa bao gồm các khoản phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu được áp dụng).[1]

Ngày có hiệu lực: 4 tháng 1 năm 2027

FedEx 10kg Box (41,5 x 34 x 27 cm)								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Giá cước cố định (VND)	3.958.900	5.209.800	5.209.800	8.030.500	7.877.600	10.787.800	11.279.000	11.064.000
Giá cước bổ sung mỗi kg trên 10 kg và tối đa 20 kg	183.200	338.500	374.400	444.800	436.300	504.400	514.200	504.400
Lô hàng trên 20 kg: Áp dụng giá cước của 25kg Box.								
FedEx 25kg Box (56 x 44 x 35 cm)								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Giá cước cố định (VND)	5.791.200	8.595.500	8.954.300	12.479.000	12.241.400	15.832.200	16.421.300	16.108.200
Giá cước bổ sung mỗi kg trên 25 kg và tối đa 44 kg	183.200	338.500	374.400	444.800	436.300	504.400	514.200	504.400
- Đây là những mức giá đặc biệt và chỉ dành cho các khách hàng đã đăng ký dịch vụ FedEx ImportOne. Xem mục Thông tin khác để biết chi tiết. Với những khách hàng khác, giá cước xuất khẩu dựa trên quốc gia/vùng lãnh thổ nơi gửi hàng sẽ được áp dụng đối với các lô hàng nhập khẩu vào Việt Nam.								

Chú thích:

[1] Thuế được áp dụng chưa bao gồm trong tất cả các giá cước.

Ghi chú:

- Giá cước trên không được chiết khấu thêm. Phụ phí nhiên liệu và các phí đặc biệt khác sẽ được áp dụng. Để biết thông tin về các phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu, vui lòng tham khảo chi tiết tại trang Phụ phí và thông tin khác.
- Vui lòng sử dụng một vận đơn hàng không cho mỗi lô hàng dùng FedEx 10kg Box hoặc 25kg Box.
- Trọng lượng thực tế tối đa được khuyến nghị là 25 kg với FedEx 10kg Box và 44 kg với FedEx 25kg Box. Cước phí cao hơn sẽ được tính cho bất kỳ lô hàng dùng FedEx 10kg Box hoặc 25kg Box nào có trọng lượng thực tế trên 44 kg. Vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng để biết thêm thông tin.
- Không được gửi hàng hóa nguy hiểm bằng FedEx 10kg hoặc 25kg Box.
- Giá cước đã công bố chỉ nhằm mục đích tham khảo và có thể khác với giá cước cuối cùng được tính trong hóa đơn thanh toán của bạn sau khi làm tròn, đồng thời giá cước trong hóa đơn thanh toán sẽ được áp dụng và là khoản phải trả.
- Các mức giá trên được tính theo bước tăng 1 kg. Bất kỳ phần lẻ nào của một kilôgam vượt quá 0,01 kg sẽ được làm tròn lên mức trọng lượng tính cước kế tiếp.

➡ Vui lòng tham khảo Chỉ mục khu vực